



UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 1 – Vocabulary: Food

★ VOCABULARY BOX ★

1



sugar

/ˈʃʊɡ.ə/

đường

2



butter

/ˈbʌt.ə/

bơ

3



flour

/ˈflaʊ.ə/

bột

4



chocolate chips

/ˌtʃɑːk.lət ˈtʃɪps/

kẹo sô cô la

5



oil

/ɔɪl/

dầu

6



milk

/mɪlk/

sữa

SENTENCES / STRUCTURE



I need ...

♥ Mình cần ...

★ I need some milk.

★ I need a little butter.



A. Match the words with the pictures
/ Nối từ với hình

- 1 sugar
- 2 butter
- 3 flour
- 4 chocolate chips
- 5 oil
- 6 milk



B. Fill in the missing letters
/ Điền chữ cái còn thiếu

1 s _ gar



2 bu _ er



3 mi _ k



C. Look and write
/ Nhìn tranh và viết





UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 2 – Vocabulary: Drinks



★ VOCABULARY BOX ★

1



soda

/ˈsoʊ.də/

nước ngọt (có gas)

2



smoothie

/ˈsmu:ði/

sinh tố

3



tea

/ti:/

trà

4



lemonade

/ˌlem.əˈneɪd/

nước chanh

5



juice

/dʒu:s/

nước hoa quả

6



hot chocolate

/ˌhɔ:t ˈtʃɔ:k.lət/

sô cô la nóng

SENTENCES / STRUCTURE



Let's + V

Chúng ta hãy ...

♥ Let's make smoothies.

★ I'll bring milk.



A. Circle the odd one out
/ Khoanh tròn từ khác loại

B. Unscramble the letters
/ Sắp xếp lại chữ cái

C. Look and circle
/ Nhìn tranh và khoanh tròn từ đúng

1 soda tea juice bread

1 smotohie

1  soda / tea / juice

2 smoothie lemonade milk tea

2 eta

2  lemonade / hot chocolate / tea

3 hot chocolate juice soda rice

3 eciuj

3  smoothie / juice / milk



UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 3 – Vocabulary Practice 1

1 Choose the odd one out / Chọn từ khác loại



1 sugar butter flour tea

2 milk soda juice oil

3 smoothie lemonade hot chocolate flour

4 chocolate chips sugar butter milk

2 Fill in the missing letters / Điền chữ cái còn thiếu



1  s _ _ a r _____

2  b _ _ t e r _____

3  f l _ _ r _____

4  m _ _ k _____

5  o _ _ _____

3 Unscramble the letters / Sắp xếp lại chữ cái



1 g a r s u _____

2 t t e b u r _____

3 i m l k _____

4 o c a a h t l e t h c o o c l a e

5 m e o a n l e d

4 Leave one unnecessary letter / Bỏ đi một chữ cái bị thừa



1 s u j g a r _____

2 m i l p k _____

3 s o q d a _____

4 t e q a _____

5 Match the words with the pictures / Nối từ với hình ảnh



1 sugar •

2 butter •

3 flour •

4 chocolate chips •

5 oil •

6 milk •





UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 4 – Vocabulary Practice 2

1 Look and write / Nhìn tranh và viết từ vựng tương ứng



2 Write the words under the pictures / Viết từ xuống dưới mỗi bức tranh



3 Look, match and write Nhìn hình, nối với từ gợi ý rồi viết ra từ đó

- | | | | | |
|---|---|-------|---|-------|
| 1  | • | tea | • | _____ |
| 2  | • | oil | • | _____ |
| 3  | • | juice | • | _____ |
| 4  | • | soda | • | _____ |

4 Look, choose and write Nhìn bảng từ, chọn từ đúng và điền

butter tea juice
flour chocolate chips milk

- | | |
|---|-----------------------------|
| 1  | I need some _____. |
| 2  | We use _____ to make cakes. |
| 3  | I drink _____ every day. |
| 4  | Add _____ to the cookies. |

5 Find and circle the words / Tìm và khoanh tròn từ vựng

- | | | | |
|---|-------|---|-------|
|  | sugar |  | tea |
|  | milk |  | oil |
|  | soda |  | juice |

S	U	G	A	R	M	T	Y	E	A
D	F	G	H	J	K	O	I	L	Z
M	I	L	K	B	N	M	Q	W	X
P	O	A	S	O	D	A	R	T	Y
J	U	I	C	E	V	B	N	M	C

Good job!





UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 5 – Grammar



1 Let's + V

Dùng để rủ ai đó cùng làm gì

- ♥ Let's make smoothies.
- ♥ Let's go to the supermarket.



2 I need + quantity + noun

Dùng để nói nhu cầu / gọi món

- ♥ I need some milk.
- ♥ I need a little butter.
- ♥ I need a lot of flour.
- ♥ I need a few chocolate chips.



QUANTITY BOX

- ♥ a lot of = rất nhiều
- ♥ a little = một ít (không đếm được)
- ♥ some = một ít / một vài
- ♥ a few = một vài (đếm được)

A. Choose the correct answer / Chọn đáp án đúng nhất

- 1 Let's _____ some cookies.
(a) make (b) making (c) make
- 2 I need _____ milk.
(a) some (b) a (c) any
- 3 I need _____ chocolate chips.
(a) a little (b) a (c) any
- 4 I need _____ flour.
(a) a lot of (b) some (c) few

B. Fill in the blank / Điền từ thích hợp

- 1 I need _____ milk. 
- 2 Let's _____ a cake. 
- 3 I need _____ butter. 
- 4 I need _____ flour. 

C. Complete the sentences / Hoàn thành câu

- 1 Let's go to the _____. 
- 2 I need some _____. 
- 3 I need a little _____. 
- 4 I need a lot of _____. 

D. Match the halves of the sentences / Nối 2 vế thành câu có nghĩa

- | | | |
|-------------------|---|----------------------|
| 1 Let's make | • | (a) chocolate chips. |
| 2 I need some | • | (b) butter. |
| 3 I need a little | • | (c) milk. |
| 4 I need a few | • | (d) smoothies. |

E. Look, choose and write / Nhìn tranh, chọn từ và viết

milk ♥ butter ♥ flour ♥ chocolate chips

- 1  _____
- 2  _____
- 3  _____



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 6 – Speaking & Phonics



1 Listen and repeat / Nghe và lặp lại

- 1  **sugar** /'ʃʊg.ə/
- 2  **butter** /'bʌt.ə/
- 3  **smoothie** /'smu:ði/
- 4  **lemonade** /,lem.ə'neɪd/
- 5  **juice** /dʒu:s/
- 6  **hot chocolate** /,hɒt 'tʃɔ:k.lət/

2 Point and say / Chỉ vào tranh và nói

- 1  It's milk.
- 2  It's tea.
- 3  It's chocolate chips.
- 4  It's lemonade.

3 Let's talk / Hỏi và trả lời theo cặp



4 Role-play the conversation / Đóng vai hội thoại



5 Let's chant / Đọc đồng dao

Milk and smoothies, yum, yum, yum,
Juice and lemonade, so much fun!
Butter on bread, sweet and nice,
We love good food every day!





UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 7 – Reading Comprehension 1

Lucy and her dad are at the supermarket.
Lucy wants to make a cake.
She needs some butter, a lot of flour,
a little milk, and a few chocolate chips.
Dad helps her find the food.
Then they go home and make
the cake together.



1 Read and match / Đọc và nối

- | | | |
|-----------------|---|------------------|
| 1 Lucy wants to | • | a make a cake. |
| 2 She needs | • | b find the food. |
| 3 Dad helps her | • | c go home. |
| 4 Then they | • | d some food. |

2 Read and tick True (T) or False (F) / Đúng hay Sai

- | | T | F |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 1 Lucy and her mom are at the supermarket. | ☐ | ☐ |
| 2 Lucy wants to make a cake. | ☐ | ☐ |
| 3 She needs a lot of flour. | ☐ | ☐ |
| 4 They make the cake at home. | ☐ | ☐ |

3 Read and circle the correct word / Đọc và khoanh tròn từ đúng

- Lucy and her (mom / dad) are at the supermarket.
- Lucy wants to make a (cake / pizza).
- She needs some (butter / cheese), a lot of flour, a little (milk / juice), and a few (chocolate chips / cookies).
- Dad helps her (cook / find) the food.

4 Look, read and tick (✓) or cross (✗) / Nhìn tranh, đọc và đánh dấu

- | | | | |
|--|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | They are at the supermarket. | ☒ | ☒ |
| 2  | She needs some butter. | ☐ | ☐ |
| 3  | She needs a lot of milk. | ☐ | ☐ |
| 4  | She needs a few chocolate chips. | ☐ | ☐ |



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 8 – Reading Comprehension 2



★ READING TIME ★

- Lucy:** Dad, I want to make a cake.
Dad: OK. What do you need?
Lucy: I need some butter.
Dad: What else do you need?
Lucy: I need a lot of flour and a little milk.
Dad: Anything else?
Lucy: Yes, I need a few chocolate chips.



1 Read and number / Đọc và đánh số thứ tự

- ☐ Lucy says she needs some butter.
- ☐ Lucy says she needs a little milk and a lot of flour.
- ☐ Dad asks what else Lucy needs.
- ☐ Lucy says she needs a few chocolate chips.

2 Read and choose the correct answer / Đọc và chọn đáp án đúng

- 1 Who wants to make a cake?
 (A) Lucy (B) Dad (C) Mum
- 2 What does Lucy need first?
 (A) flour (B) butter (C) milk
- 3 What else does Lucy need?
 (A) oil (B) flour (C) sugar
- 4 What does Lucy need at the end?
 (A) eggs (B) chocolate chips (C) salt

3 Read and complete / Đọc và hoàn thành đoạn văn

Lucy wants to make a _____.
 She needs some _____.
 She needs a lot of _____
 and a little _____.
 She also needs a few _____.

cake butter flour
 milk chocolate chips

4 Read and answer the questions / Đọc và trả lời câu hỏi

- 1 What does Lucy want to make?

- 2 What does Lucy need a lot of?

- 3 What does Lucy need at the end?



5 Choose a word from the box and write it next to numbers 1–5 / Chọn từ trong hộp và điền

milk butter flour cake chocolate chips

- 1 _____
- 2 _____
- 3 _____
- 4 _____
- 5 _____





UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 9 – Writing Tasks

1 Reorder the words to make the correct sentence
/ Sắp xếp từ thành câu đúng

1 need / milk / some / I

.....

2 a / let's / make / smoothie

.....

3 little / need / I / butter / a

.....

4 you / oil / some / need / do / ?

.....

2 Make the questions then answer
/ Đặt câu hỏi rồi trả lời

1  Q:?
A:

2  Q:?
A:

3  Q:?
A:

3 Look at the pictures then answer
/ Nhìn tranh rồi trả lời

1  What do you need?
A:

2  What are they making?
A:

3  What is this?
A:

4 Translate into English
/ Dịch sang tiếng Anh

1 Mình cần một ít sữa.
A:

2 Chúng ta hãy làm sinh tố.
A:

3 Bạn cần bột mì không?
A:

4 Mình không cần nhiều đường.
A:

5 Find and correct the mistake / Tìm và sửa lỗi sai

1 I need some milks. →

2 Let's makes smoothies. →

3 Do you need some butter? →

4 She need a little oil. →



Let's write
/ Viết đoạn ngắn

Write 3–5 sentences about what you need to make your favorite drink.

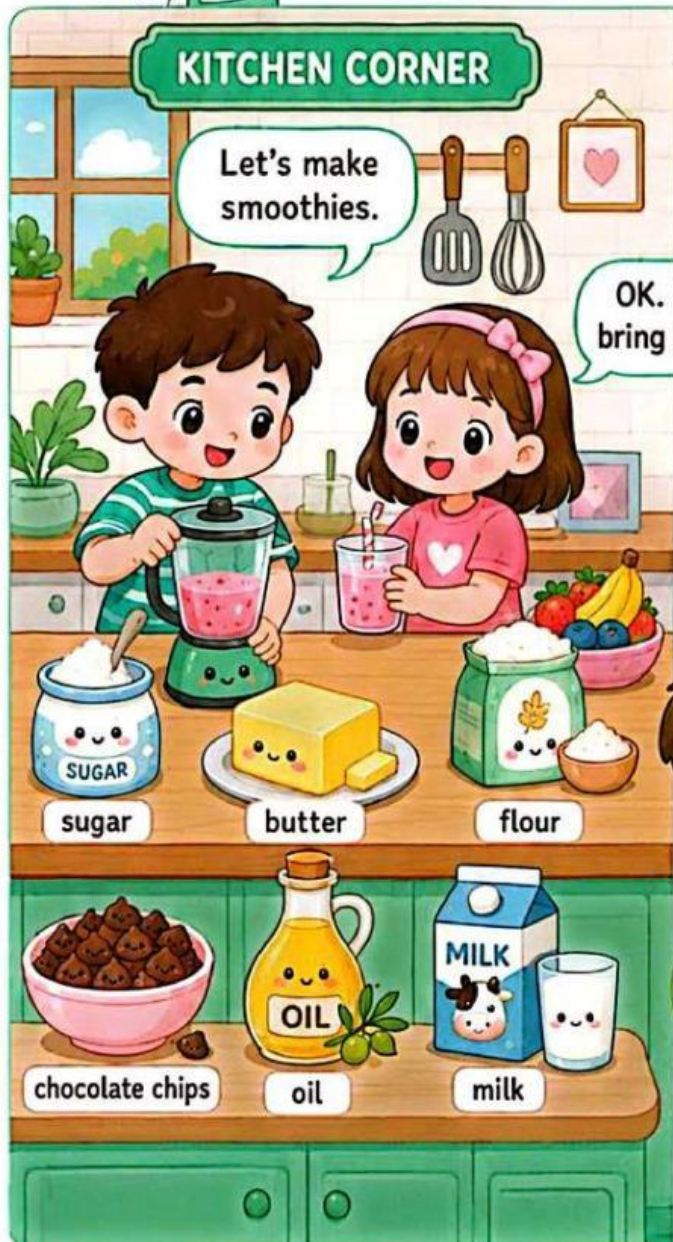
.....
.....
.....





UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 10 – Speaking Picture



Point and say
/ Chỉ và nói

This is milk.

Ask and answer
/ Hỏi và trả lời

A: Do you need some milk?
B: Yes, I do.

Role-play
/ Đóng vai

Let's role-play in the kitchen or the supermarket!